TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ - ST.
Ngày 31/01/2019.
V/V "Tranh chấp kiện ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXS - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L (Phạm Thị N), sinh năm 1975.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hà N, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Phiên toà có mặt bà L, ông N có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Vũ Thị L (Phạm Thi N) có quan điểm:

Bà và ông Nguyễn Hà N kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 06/02/1996 tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Nam Hà (nay là thành phố P, tỉnh Hà Nam) sau thời gian tìm hiểu nhau được 03 tháng. Việc kết hôn cũng có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hòa thuận đến năm 2000 thì đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N không quan tâm, chăm lo cho vợ con nên hai bên không còn hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, cách sống. Vì vậy, bà đã bỏ đi Miền Nam sống khoảng 07 tháng thì ông N tìm bà về thì vợ chồng bà lại tiếp tục chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, cuộc sống chung của vợ chồng bà vẫn xảy ra mâu thuẫn vì hai bên không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn của vợ chồng bà căng thẳng nhất vào tháng 7 năm 2014 đến tháng

10 năm 2014 nên bà không sống chung với ông N nữa và vợ chồng bà đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2014 đến nay. Quá trình sống ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Đến nay, bà xác định tình cảm dành cho ông N không còn và mâu thuẫn của vợ chồng bà đã thật sự trầm trọng nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Hà N.

* Tại biên bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Hà N có quan điểm: Về thời gian, địa điểm, điều kiện, thủ tục kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ông sống ly thân như bà L (N) khai là đúng. Bản thân ông cũng thấy trong quá trình chung sống giữa vợ chồng ông có rất nhiều mâu thuẫn nên bà L đã nhiều lần bỏ đi, không cùng ông xây dựng gia đình. Đến nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông đã rất trầm trọng không thể duy trì được, tình cảm vợ chồng ông không còn nên ông cũng nhất trí thuận tình ly hôn với bà Vũ Thị L (Phạm Thị N) và ông cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa vợ chồng ông.

Về con chung: Vợ chồng ông bà thống nhất có 01 con chung là Nguyễn Thị G, sinh ngày 30/9/1996 (con gái). Hiện nay, con chung của ông bà đã trưởng thành lao động, tự lập được nên cả hai ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng ông bà thống nhất không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay:

+ Bà L (N) có quan điểm: Bà vẫn giữ nguyên quan điểm như trước đó đã trình bày. Về hôn nhân bà xin ly hôn với ông N. Về con chung: con gái chung của bà và ông N là Nguyễn Thị G đã trưởng thành, lao động được nên bà không đề nghị giải quyết. Còn các vấn đề khác bà không đề nghị Toà án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Vũ Thị L (Phạm Thị N). Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà L (N) và ông N.

2/ Về con chung: Bà L (N) và ông N thống nhất có 01 con chung là Nguyễn Thị G, sinh ngày 30/9/1996 (con gái). Hiện nay, con chung của ông bà đã trưởng thành lao động, tự lập được nên cả hai ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà L (N) và ông N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Vũ Thị L (Phạm Thị N) có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn là ông Nguyễn Hà N có nơi cư trú tại thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa bà Vũ Thị L (Phạm Thị N) và ông Nguyễn Hà N là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/1996 tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là thành phố P, tỉnh Hà Nam) nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị L (Phạm Thị N), HĐXX thấy:

Sau kết hôn vợ chồng ông bà cũng có 04 năm chung sống hòa thuận, đến năm 2000 cuộc sống chung của ông bà đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, cách sống. Đến nay, mâu thuẫn của ông bà đã thật sự trầm trọng và cả hai ông bà đều xác định tình cảm dành cho nhau không còn nên bà L (N) xin ly hôn, ông N cũng hoàn toàn nhất trí. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa bà L và ông N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận việc thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Vợ chồng ông bà thống nhất con chung của ông bà là Nguyễn Thị G, sinh ngày 30/9/1996 (con gái) đã trưởng thành lao động, tự lập được không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng ông bà thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị L (Phạm Thị N) xin nộp toàn bộ án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 143; điều 144; điều 147; điều 227; điều 228; điều 271; điều 273; điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị L (Phạm Thị N) và ông Nguyễn Hà N.

[2] Về con chung: Bà Vũ Thị L (Phạm Thị N) và ông Nguyễn Hà N thống nhất con chung là Nguyễn Thị G, sinh ngày 30/9/1996 (con gái) đã trưởng thành lao động, tự lập được không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Bà Vũ Thị L (Phạm Thị N) và ông Nguyễn Hà N thống nhất không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Vũ Thị L (Phạm Thị N) và ông Nguyễn Hà N mỗi người phải nộp 150.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị L (Phạm Thị N) nộp toàn bộ án phí ly hôn là 300.000đ. Bà Vũ Thị L (Phạm Thị N) được đối trừ với 300.000đ mà bà đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0001935 ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Bà Vũ Thị L (Phạm Thị N) đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, bà L (N) có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Duy